

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/DS-ST
Ngày: 09-02-2026
V/v tranh chấp “hợp đồng
góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài

2. Ông Lê Khắc Hiệp

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Sĩ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 –
Vĩnh Long.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên
tòa:* Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 –
Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
58/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “hợp đồng góp
hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-DS ngày 13
tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày
26/01/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị Ngọc Hân, sinh năm 2004; địa chỉ: số A, ấp G,
xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Đào Hồng V, sinh năm
1966. Địa chỉ: số H, ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1992; địa chỉ: số A, ấp G, xã T, tỉnh
Vĩnh Long (có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn H, sinh năm 1992;
địa chỉ: số A, ấp G, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theonội dung đơn khởi kiện ngày 03/7/2025, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H1 ủy quyền cho bà Đào Hồng VI bày:

Từ ngày 11/7/2024 đến ngày 06/10/2024 bà Trần Thị Kim C có tham gia chơi hội với bà Lưu Thị Ngọc H1 tổng cộng 15 dây hội, hội có lời, do bà H1 làm chủ hội (trong đó có 03 dây hội tuần và 12 dây hội ngày). Đến ngày 06/10/2024 bà C đã hốt tổng cộng 14 dây hội, chỉ còn 01 dây hội sống 10.000.000 đồng/tuần khui ngày 27/8/2024 chưa hốt. Sau đó, các hội viên bị vỡ hội nên không ai đóng hội cho bà H1. Tính đến ngày 06/10/2024 bà C còn nợ lại bà H1 tổng số tiền hội chưa thanh toán của 14 dây hội là 589.000.000 đồng. Cụ thể các dây hội mà bà C đã tham gia chơi với bà H1 và đã hốt hội như sau:

1. Dây hội 5.000.000 đồng, hội khui tuần, mở hội vào ngày 11/7/2024, gồm 25 hội viên tham gia, bà C tham gia 01 phần, đã hốt hội kỳ thứ 5, tổng số kỳ đã đóng là 13 lần, còn thiếu 12 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 60.000.000 đồng.

2. Dây hội 5.000.000 đồng, hội khui tuần, mở hội vào ngày 18/8/2024, gồm 26 hội viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hội kỳ thứ 2, tổng số kỳ đã đóng là 08 kỳ, còn thiếu 18 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 90.000.000 đồng.

3. Dây hội 1.000.000 đồng, hội khui ngày, mở hội vào ngày 29/8/2024, gồm 40 hội viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hội kỳ thứ 3, tổng số kỳ đã đóng là 39 kỳ, còn thiếu 01 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 1.000.000 đồng.

4. Dây hội 2.000.000 đồng, hội khui ngày, mở ngày 01/9/2024, gồm 37 hội viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hội kỳ thứ 4, tổng số kỳ đóng là 36 kỳ, còn thiếu 01 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 2.000.000 đồng.

5. Dây hội 2.000.000 đồng, hội khui ngày, mở ngày 04/9/2024, gồm 36 hội viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hội kỳ đầu tiên, tổng số kỳ đóng là 33 kỳ, còn thiếu 03 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 6.000.000 đồng.

6. Dây hội 3.000.000 đồng, hội khui ngày, mở ngày 04/9/2024, gồm 38 hội viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hội kỳ thứ 03, tổng số kỳ đóng là 33 kỳ, còn thiếu 05 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 15.000.000 đồng.

7. Dây hội 5.000.000 đồng, hội khui ngày, mở ngày 06/9/2024, gồm 35 hội viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hội kỳ thứ 12, tổng số kỳ đóng là 31 kỳ, còn thiếu 04 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 20.000.000 đồng.

8. Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi khai ngày, mở ngày 08/9/2024, gồm 36 hụi viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, tổng số kỳ đóng là 29 kỳ, đã hốt hụi, còn thiếu 07 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 7.000.000 đồng.

9. Dây hụi 3.000.000 đồng, hụi khai ngày, mở ngày 14/9/2024, gồm 38 hụi viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hụi kỳ thứ 07, tổng số kỳ đóng là 23 kỳ, còn thiếu 15 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 45.000.000 đồng.

10. Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi khai ngày, mở ngày 26/9/2024, gồm 38 hụi viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hụi kỳ thứ 03, tổng số kỳ đóng là 11 kỳ, còn thiếu 27 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 27.000.000 đồng.

11. Dây hụi 3.000.000 đồng, hụi khai ngày, mở ngày 26/9/2024, gồm 38 hụi viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hụi kỳ thứ 07, tổng số kỳ đóng là 11 kỳ, còn thiếu 27 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 81.000.000 đồng.

12. Dây hụi 5.000.000 đồng, hụi khai ngày, mở ngày 28/9/2024, gồm 38 hụi viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hụi kỳ đầu tiên, tổng số kỳ đóng là 09 kỳ, còn thiếu 29 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 145.000.000 đồng.

13. Dây hụi 2.000.000 đồng, hụi khai ngày, mở ngày 29/9/2024, gồm 38 hụi viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đã hốt hụi kỳ thứ 03, tổng số kỳ đóng là 08 kỳ, còn thiếu 30 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 60.000.000 đồng.

14. Dây hụi 1.000.000 đồng, hụi khai ngày, mở ngày 29/9/2024, gồm 38 hụi viên tham gia, bà Trần Thị Kim C tham gia 01 phần, đóng được 08 lần, đã hốt hụi, còn thiếu 30 kỳ chưa đóng với số tiền nợ là 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền hụi bà C chưa đóng cho bà H1 các dây hụi trên là 589.000.000 đồng. Ngoài ra, bà C có tham gia của bà H1 01 phần hụi của dây hụi mở ngày 27/8/2024, hụi khai tuần, hụi 10.000.000 đồng, có 23 hụi viên tham gia, bà C tham gia 01 phần và chưa hốt hụi, bà C đóng được 06 lần với số tiền tổng cộng là 45.650.000 đồng thì ngưng không đóng hụi nữa. Nay bà H1 đồng ý còn nợ bà C số tiền hụi có lời của dây hụi này là 60.000.000 đồng; sau khi trừ số tiền bà H1 còn nợ bà C của dây hụi này thì số tiền hiện tại bà C còn nợ lại bà H1 là 529.000.000 đồng.

Đối với chồng của bà C là ông Lê Văn H, tuy ông H không phải là người trực tiếp tham gia chơi hụi với bà H1 nhưng ông H và bà C là vợ chồng hợp pháp, bà C tham gia chơi hụi nhằm phát triển kinh tế chung cho gia đình, việc

bà C chơi hụi với bà H1 thì ông H có biết nên bà H1 yêu cầu ông Lê Văn H phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà C để trả tiền hụi cho bà H1.

Bà H1 thừa nhận có chuyển khoản tiền hụi cho bà C số tiền là 1.663.090.000 đồng và bà H1 có nhận chuyển khoản từ bà C số tiền là 1.315.795.000 đồng như lời trình bày của bà C nhưng số tiền bà H1 nhận của bà C là tiền bà C đóng các dây hụi sống và hụi chết của các dây hụi mà C đã tham gia chơi với bà H1. Bà H1 không đồng ý với việc bà C chỉ đồng ý trả cho bà H1 số tiền 347.295.000 đồng là tiền hụi không có lãi như bà C trình bày, bởi vì khi giao kết hợp đồng góp hụi các bên thống nhất việc chơi hụi có lời, bà C đã tự nguyện tham gia.

Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 14.350.000 đồng và rút lại yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Nay nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H1 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: buộc bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lưu Thị Ngọc H1 tổng số tiền nợ hụi là 529.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo nội dung bản tự khai, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt và trong quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:

Bà thừa nhận bà có tham gia nhiều dây hụi do bà Lưu Thị Ngọc H1 làm chủ hụi. Do bà chơi hụi với bà H1 nhiều dây hụi và thời gian chơi hụi cách nay đã lâu nên bà không nhớ rõ từng dây hụi mà bà đã tham gia. Tuy nhiên, nay bà Lưu Thị Ngọc H1 xác định bà có tham gia chơi với bà H1 15 dây hụi (trong đó có 03 dây hụi tuần và 12 dây hụi ngày) như đơn khởi kiện của bà H1 ngày 03/7/2025 thì bà thống nhất với lời trình bày của bà H1. Bà và bà Lưu Thị Ngọc H1 bắt đầu chơi hụi từ ngày 11/7/2024 đến ngày 06/10/2024 thì bà H1 bế hụi nên không còn chơi nữa. Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về số tiền mà bà đã kêu hụi và hốt hụi. Bà có thừa nhận bà có nhận số tiền hụi do bà H1 chuyển khoản thông qua giao dịch Ngân hàng cho bà tổng cộng số tiền là 1.663.090.000 đồng, đây là tiền mà bà hốt hụi của các dây hụi mà bà đã tham gia chơi với bà H1.

Nay bà H1 yêu cầu cản trừ 01 dây hụi còn sống mà bà đã tham gia, hụi 10.000.000 đồng, hụi tuần, mở ngày 27/8/2024, số tiền dây hụi này bà H1 còn nợ lại bà vào số tiền hụi bà còn nợ lại bà H1 thì bà đồng ý.

Trong quá trình bà chơi hụi với bà H1 thì bà đã chuyển khoản tiền hụi cho Lưu Thị Ngọc H1 rất nhiều lần để đóng tiền hụi chết và hụi sống đối với các dây hụi bà đã tham gia chơi hụi với bà H1. Số tiền bà chuyển để đóng tiền hụi cho bà H1 tổng cộng là 1.315.795.000 đồng, đồng thời bà cũng có chuyển cho ông Lưu Văn P (là cha của bà H1) số tiền là 179.100.000 đồng, việc bà chuyển tiền cho ông P là do bà có chơi hụi với bà M1 ở một dây hụi khác, bà tham gia chơi hụi với bà M trước khi bà chơi hụi với bà H1. Do bà H1 đã úp hụi nên bà chỉ đồng ý

trả tiền hụi không có lãi cho bà H1, bà đồng ý trả cho bà H1 số tiền hụi là 347.295.000 đồng. Bà không đồng ý trả cho bà H1 số tiền 543.350.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà H1.

Đối với ông Lê Văn H chồng của bà thì bà và ông H có đăng ký kết hôn, ông H có biết bà có tham gia chơi hụi với bà H1 nhưng ông H không có trực tiếp tham chơi hụi nên ông H không có liên quan. Do ông H bận công việc nên không có đến Tòa án trình bày ý kiến.

Đối với dây hụi mà bà có tham gia của bà M1 thì bà sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do bận công việc ở xa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo nội dung bản tự khai, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt và trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn P trình bày:

Ông với bà Trần Thị Kim C không có chơi hụi với nhau, việc bà Lưu Thị Ngọc H1 và bà Trần Thị Kim C chơi hụi với nhau như thế nào thì ông không biết, ông không có liên quan. Ông được biết trước đây giữa vợ ông là bà Trần Thị M1 là bà Trần Thị Kim C có chơi hụi với nhau, việc bà M1 và bà C chơi hụi như thế nào thì ông cũng không biết, tuy nhiên ông có cung cấp số tài khoản Ngân hàng của ông cho bà M1 để bà M1 cho các hụi viên chuyển tiền hụi cho bà M1 vào số tài khoản của ông, trong đó có bà Trần Thị Kim C chuyển tiền vào số tài khoản của ông với số tiền là 179.100.000 đồng. Sau khi nhận tiền của bà C thì ông cũng đã giao lại số tiền này cho bà M1. Do ông không có liên quan nên ông không có ý kiến, không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này. Do bận công việc ở xa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Theo nội dung bản tự khai, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M1 trình bày:

Trước đây bà có mở một dây hụi tháng, hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng mở hụi 02 lần vào ngày 15 âm lịch và ngày 30 âm lịch hàng tháng. Dây hụi mở vào ngày 15/01/2024 âm lịch, gồm có 21 phần hụi, bà Trần Thị Kim C có tham 02 phần hụi. Bà C đóng hụi cho bà được 03 lần (hụi sống) đến ngày 30/02/2024 âm lịch bà C hốt hụi với số tiền 80.500.000 đồng (đã trừ đầu thảo 2.500.000 đồng), bà đã giao đủ số tiền 80.500.000 đồng cho bà C, sau đó bà C có đóng cho bà 12 lần hụi chết của phần hụi này. Đến ngày 30/3/2024 âm lịch bà C hốt tiếp phần hụi còn lại với số tiền 82.500.000 đồng (đã trừ đầu thảo 2.500.000 đồng), bà đã giao đủ số tiền 82.500.000 đồng cho bà C, sau đó bà C có đóng cho bà 10 lần hụi chết của phần hụi này. Tổng cộng dây hụi này bà C đã hốt là 163.000.000 đồng. Dây hụi này bà C còn nợ tiền bà nhưng bà không có yêu cầu giải quyết phần tiền hụi giữa bà và bà C trong vụ án này.

Việc bà C có khai với Tòa án là có đóng tiền hui cho chồng bà là ông Lưu Văn P và hiện nay bà C còn nợ tiền hui của bà Lưu Thị Ngọc H1 (con gái bà) và chồng bà là ông Lưu Văn P là 168.195.000 đồng là không đúng. Bởi vì việc bà C tham gia chơi hui với bà H1 như thế nào không có liên quan đến bà và ông Lưu Văn P. Bà và bà H1 chơi hui riêng không có chơi chung hui với nhau, hui của ai thì người đó tính. Còn đối với ông Lưu Văn P thì do bà yêu cầu hui viên chuyển tiền hui cho bà và bà giao tiền hui cho hui viên thông qua số tài khoản ngân hàng của ông P (do bà không có tài khoản ngân hàng và không biết sử dụng tài khoản ngân hàng) nên ông P giao dịch chuyển khoản dùm bà. Do đó, việc bà C khai nợ tiền hui và đóng tiền hui cho ông Lưu Văn P là không đúng vì ông P chỉ nhận chuyển khoản từ bà C thay cho bà. Thực tế là bà C nợ tiền hui của bà chứ không có nợ tiền hui của ông P như bà C đã khai tại Tòa án.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long
phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung giải quyết vụ án: căn cứ căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 146, Điều 147 và Điều 217 luật Tổ tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Tổ tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 3, 16, 17 và 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, họ, họ; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 ngày 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Ngọc H1; buộc bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lưu Thị Ngọc H1 số tiền 529.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 14.350.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án do nguyên đơn tự

nguyên rút yêu cầu. Về án phí, bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới nộp 25.160.000 đồng, hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà Lưu Thị Ngọc H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Lưu Thị Ngọc H1 yêu cầu bà Trần Thị Kim C1 ông Lê Văn H trả tiền huynh nhân xác định đây là tranh chấp “hợp đồng góp hui” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Trần Thị Kim C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H2 nơi cư trú tại ấp Giao Hòa B, xã T, tỉnh Vĩnh Long nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[2] Về tố tụng tố tụng: bị đơn bà Trần Thị Kim C cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn P và bà Trần Thị M2 đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông P và bà M1. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đồng thời ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 14.350.000 đồng và rút lại yêu cầu lãi suất tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với lãi suất là 0,83%/tháng. Xét việc nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H1 yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Kim C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H2 nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui là 529.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[4.2] Đối với bị đơn bà Trần Thị Kim C thừa nhận có tham gia chơi các dây hui như nguyên đơn trình bày và thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về số tiền mà bà C đã kêu hui và hốt hui với bà H3 đây là tình tiết nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015. Bà C thừa nhận có nhận số tiền hui do bà H1 giao tổng cộng số tiền là 1.663.090.000 đồng. Bà C thống nhất trừ số tiền của dây hui (hui còn sống) mà bà H1 còn nợ bà C vào số tiền hui mà bà C còn nợ bà H1. Số tiền bà H1 thừa nhận còn nợ bà C là 60.000.000 đồng. Tuy nhiên bà C chỉ đồng ý trả cho bà H1 số tiền hui không có lãi (hui không lời) với số tiền 347.295.000 đồng (là số tiền hui chênh lệch mà bà H1 chuyển cho bà C là 1.663.090.000 đồng và bà C chuyển cho bà H1 là 1.315.795.000 đồng).

[4.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H4 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã được tổng đạt các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và được Tòa án thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông H không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần Tòa án triệu tập và không nêu ý kiến.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H1 đối với bị đơn bà Trần Thị Kim CHội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Giữa bà H1 và bà C đều thống nhất có giao kết hợp đồng góp hui, thống nhất nhất về số dây hui, số lần kêu hui và hốt hui từng dây hui. Như vậy, có cơ sở xác định hợp đồng góp hui bà H1 và bà C2 xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại các Điều 116, 117, 119, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết.

[5.2] Bà H1 yêu cầu bà Chi T số tiền hui còn nợ tổng cộng là 529.000.000 đồng. Bà C chỉ đồng ý trả cho bà H1 số tiền là 347.295.000 đồng là tiền hui không có lãi nhưng không được bà H1 không đồng ý. Bà C không chứng minh được cho lời trình bày của mình đối với đề nghị trả tiền hui không có lãi khi tham gia giao kết hui với bà H1 trong khi bà H1 không đồng ý với yêu cầu này của bà C. Do đó, cần buộc bà C có nghĩa vụ thanh toán cho bà H1 số tiền hui còn nợ tổng cộng là 529.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu trách nhiệm liên đới trả nợ hui của bà H1 đối với bà Chi và ông H. Thấy rằng, ông H và bà C là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long, bà C xác định ông H có biết việc bà C có tham gia chơi hui với bà H1. Tòa án đã ban hành Thông báo cho ông H5 ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H1 nhưng ông H không trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập. Vì vậy, buộc ông Lê Văn H phải có nghĩa vụ liên đới với bà Trần Thị Kim Chi T tiền nợ hui cho bà Lưu Thị Ngọc H6 phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H1, buộc bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hui là 529.000.000 đồng cho bà Lưu Thị Ngọc H1. Xét việc nguyên đơn không yêu tính lãi nên không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

[9] Đối với số tiền là 179.100.000 đồng, bà C cho rằng có chuyển khoản cho ông Lưu Văn P là do bà C có chơi hui với bà Trần Thị M1 nhưng bà C và bà M1 cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[10] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 39, 147, 217, 227, 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị Ngọc H1 đối với số tiền 14.350.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng (tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lưu Thị Ngọc H1 đối với bị đơn bà Trần Thị Kim C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H. Buộc bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lưu Thị Ngọc H1 số tiền nợ hui là 529.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

3.1. Buộc bà Trần Thị Kim C và ông Lê Văn H2 nghĩa vụ liên đới chịu 25.160.000 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

3.2. Hoàn trả cho bà Lưu Thị Ngọc H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.867.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004066 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 - Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Sơn– Huỳnh Ngọc Sơn

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân

